

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG  
VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 28

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm 2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Quốc Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15/04/2017
Ông Lê Quốc Tuấn	Thành viên	Đến ngày 15/04/2017
Ông Trương Hữu Chí	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 15/04/2017
Ông Trương Hữu Chí	Thành viên	Từ ngày 15/04/2017
Ông Vũ Trọng Hiến	Thành viên	
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2017
Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2017
Ông Trương Minh Khôi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2017
Ông Vũ Hồ Việt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2017

**Ban Giám đốc**

Ông Trương Hữu Chí	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Đình Lân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Minh Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Quân	Giám đốc
Ông Hoàng Anh Sơn	Giám đốc Kỹ thuật
Bà Dương Thị Hà Bích	Giám đốc Tài chính

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính 2017 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Dương Thị Hà Bích.

**SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

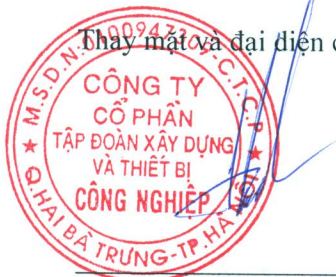
Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Trương Hữu Chí**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 30/03/2018 từ trang 6 đến trang 28 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Chúng tôi thực hiện kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính, sự tuân thủ các quy chế về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản theo các thủ tục kiểm toán thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Việc này chỉ thực hiện khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2017, theo ước tính của chúng tôi, tổng số dự phòng nợ phải thu quá hạn cần trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính trong năm 2017 khoảng 2,82 tỷ đồng.

Liên quan đến các khoản đầu tư dài hạn khác, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của các Công ty nhận đầu tư nên chưa có cơ sở để đưa ý kiến về việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (nếu có) của Công ty.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Phạm Gia Đạt**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHNKT số:  
0798-2014-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

**Nguyễn Văn Hải**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận ĐKHNKT số:  
1395-2018-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31/12/2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>40.874.145.309</b>	<b>49.351.147.875</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.776.726.874	4.317.596.710
Tiền	111		1.776.726.874	4.317.596.710
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.185.058.676	37.124.825.508
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	25.388.317.963	32.540.328.233
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.516.675.000	905.525.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	2.267.334.516	2.567.334.516
Các khoản phải thu khác	136	7	5.803.521.197	4.902.427.759
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.790.790.000)	(3.790.790.000)
Hàng tồn kho	140	8	6.090.241.548	6.090.241.548
Hàng tồn kho	141		6.090.241.548	6.090.241.548
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.822.118.211	1.818.484.109
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.762.902.264	1.759.268.162
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	59.215.947	59.215.947
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>258.473.411.682</b>	<b>261.421.887.582</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.062.323.287	6.062.323.287
Phải thu dài hạn khác	216	7	6.062.323.287	6.062.323.287
Tài sản cố định	220		443.511.136	801.553.572
Tài sản cố định hữu hình	221	10	443.511.136	801.553.572
- Nguyên giá	222		2.882.922.929	2.882.922.929
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.439.411.793)	(2.081.369.357)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		700.000.000	700.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(700.000.000)	(700.000.000)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		203.892.067.045	202.940.715.385
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	203.892.067.045	202.940.715.385
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	38.657.341.500	41.703.772.588
Đầu tư vào công ty con	251		24.207.468.000	23.783.289.088
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.500.000.000	3.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.949.873.500	14.420.483.500
Tài sản dài hạn khác	260		9.418.168.714	9.913.522.750
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	9.418.168.714	9.913.522.750
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>299.347.556.991</b>	<b>310.773.035.457</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
 Tại ngày 31/12/2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>245.886.625.600</b>	<b>256.277.442.462</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>27.738.134.650</b>	<b>39.074.630.445</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	24.215.617.941	30.207.847.046
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.586.650.000	1.586.650.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	200.008.402	208.829.383
Phải trả người lao động	314		-	217.726.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	1.735.331.189	6.384.665.998
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		527.118	468.912.018
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>218.148.490.950</b>	<b>217.202.812.017</b>
Phải trả dài hạn khác	337	15	218.148.490.950	217.202.812.017
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>53.460.931.391</b>	<b>54.495.592.995</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>53.460.931.391</b>	<b>54.495.592.995</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.000.000.000	38.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.000.000.000	38.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.793.442.327	10.793.442.327
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.667.489.064	5.702.150.668
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.702.150.668	5.517.881.925
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(1.034.661.604)	184.268.743
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>299.347.556.991</b>	<b>310.773.035.457</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng



Dương Thị Hà Bích



Tổng Giám đốc  
 Trương Hữu Chí



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	624.389.090	31.565.574.659
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		624.389.090	31.565.574.659
Giá vốn hàng bán	11	18	624.389.090	30.319.150.925
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	1.246.423.734
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	4.421.585.596	4.298.036.685
Chi phí tài chính	22	20	1.894.316.649	-
Chi phí bán hàng	25	21	-	395.278.497
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	3.477.298.586	1.234.853.023
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(950.029.639)	3.914.328.899
Thu nhập khác	31		-	739.844
Chi phí khác	32		84.631.965	-
Lợi nhuận khác	40		(84.631.965)	739.844
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.034.661.604)	3.915.068.743
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.034.661.604)	3.915.068.743

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng

Dương Thị Hà Bích

Tổng Giám đốc



Trương Hữu Chí

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp trực tiếp)**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		6.960.000.000	14.449.070.078
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(5.564.167.979)	(13.165.476.270)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.542.198.766)	(2.701.295.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(66.525.959)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.241.082.588	13.384.467.435
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.252.742.663)	(13.855.835.285)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(158.026.820)</b>	<b>(1.955.595.001)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(279.392.500)	(1.305.758.747)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(300.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		300.000.000	2.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(424.178.912)	(1.709.900.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.899.488.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		140.203.096	2.191.463.343
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(263.368.316)</b>	<b>2.775.292.596</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.119.474.700)	(1.900.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.119.474.700)</b>	<b>(1.900.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(2.540.869.836)</b>	<b>(1.080.302.405)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.317.596.710	5.397.899.115
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	1.776.726.874	4.317.596.710

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng

Dương Thị Hà Bích



Tổng Giám đốc

Trương Hữu Chí

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (“Công ty”), tiền thân là Xí nghiệp Sản xuất thiết bị xây dựng thuộc Công ty Kinh doanh vật tư và xây dựng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội. Công ty được chuyển đổi (Cổ phần hoá) từ doanh nghiệp Nhà Nước theo Quyết định số 601/QĐ-BXD ngày 25/05/1999 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100947309 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/10/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05/05/2017.

Trụ sở chính: Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

**1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Kinh doanh trung tâm thể thao, dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar);
- Lắp đặt máy và thiết bị công nghiệp;
- Thiết kế chuyển giao công nghệ trong ngành máy và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất, lắp đặt kết cấu thép và nhà xưởng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng; Sản xuất bê tông các loại;
- Chuyển giao công nghệ mới trong ngành máy và thiết bị công nghiệp; Dịch vụ chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuẩn bị dự án, lập dự án, tư vấn thực hiện dự án;
- Tư vấn điều hành quản lý dự án;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH (TIẾP)**

- Sản xuất, kinh doanh máy và thiết bị công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản, môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản; tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Thiết kế kiến trúc, nội ngoại thất công trình; thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thiết kế hệ thống điều khiển công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống điện, lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí công trình công nghiệp; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát thi công xây dựng các loại công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông. Lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

**3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được lập theo chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính này.

**3.2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực Kế toán, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tại Việt Nam.

**3.3 HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.3 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**4.4 TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 về sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Một số khoản công nợ đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên nhưng Công ty đánh giá có khả năng thu hồi bình thường nên không trích lập dự phòng.

**4.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình là Bản quyền sáng chế Công ty được cấp.

**4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm sử dụng (năm)
- Máy móc thiết bị	05 - 08
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Thiết bị quản lý	03 - 08

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4.7 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

**4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phiếu nhằm thu lợi nhuận, các khoản này được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

**4.9 GHI NHẬN DOANH THU, GIÁ VỐN**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua, đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

**4.10 NGOẠI TỆ**

Trong năm 2017, việc xử lý chênh lệch tỷ giá đối với các khoản mục tiền tệ được Công ty áp dụng như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính, thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.
- Cuối năm tài chính, Công ty đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ ra “đồng Việt Nam” theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.
- Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4.11 BÊN LIÊN QUAN**

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có thể có các ảnh hưởng lớn đến Công ty trong các quyết định về hoạt động và tài chính.

**4.12 THUẾ**

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

**4.13 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	409.853.404	515.835.161
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.366.873.470	3.801.761.549
	<b>1.776.726.874</b>	<b>4.317.596.710</b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>25.388.317.963</b>	<b>32.540.328.233</b>
- Công ty TNHH XD thương mại Hùng Phát	2.824.368.220	2.824.368.220
- Công ty TNHH Xây dựng KCC	1.442.260.000	1.442.260.000
- Công ty CP Sông Đà 5	4.284.170.000	4.284.170.000
- Công ty CP Viện máy và Dụng Cụ công nghiệp	5.139.179.465	5.139.179.465
- Viện cơ điện tử CIE	3.204.529.478	3.000.193.478
- Các khách hàng khác	8.493.810.800	15.850.157.070
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>3.204.529.478</b>	<b>3.000.193.478</b>
- Viện cơ điện tử CIE	3.204.529.478	3.000.193.478

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.803.521.189</b>	-	<b>4.902.427.759</b>	-
- Phải thu về lợi nhuận được chia	4.741.266.100	-	4.203.045.342	-
- Phải thu người lao động	197.447.670	-	312.486.914	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
- Lãi cho vay, tiền gửi	86.682.067	-	86.682.067	-
- Phụ cấp HDQT, Ban kiểm soát	215.025.000	-	-	-
- Phải thu khác	563.100.352	-	182.380.936	-
<b>Cho vay ngắn hạn</b>	<b>2.267.334.516</b>	-	<b>2.567.334.516</b>	-
- Công ty CP Kinh doanh vật tư và XD	-	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà (CIE-CMC-SĐVD)	2.167.334.516	-	2.167.334.516	-
- Đối tượng khác	100.000.000	-	400.000.000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>6.062.323.287</b>	-	<b>6.062.323.287</b>	-
- Phải thu Công ty CMC về khoản hỗ trợ dự án Nhân Chính	6.062.323.287	-	6.062.323.287	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	215.480.175	-	215.480.175	-
Công cụ, dụng cụ	8.555.000	-	8.555.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.866.206.373	-	5.866.206.373	-
	<b>6.090.241.548</b>	<b>-</b>	<b>6.090.241.548</b>	<b>-</b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
Chi phí trả trước dài hạn	<b>9.418.168.714</b>	<b>9.913.522.750</b>
- Thuê Văn phòng	9.289.393.091	9.510.565.091
- Chi phí sửa chữa Văn phòng	-	274.182.036
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	128.775.623	128.775.623
	<b>9.418.168.714</b>	<b>9.913.522.750</b>

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
01/01/2017	96.934.070	2.753.861.559	32.127.300	2.882.922.929
31/12/2017	<b>96.934.070</b>	<b>2.753.861.559</b>	<b>32.127.300</b>	<b>2.882.922.929</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
01/01/2017	96.934.070	1.963.017.095	21.418.192	2.081.369.357
- Khấu hao trong năm	-	347.333.328	10.709.108	358.042.436
31/12/2017	<b>96.934.070</b>	<b>2.310.350.423</b>	<b>32.127.300</b>	<b>2.439.411.793</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
01/01/2017	-	790.844.464	10.709.108	801.553.572
31/12/2017	-	<b>443.511.136</b>	-	<b>443.511.136</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Dự án nhà chung cư Nhân chính - Thanh Xuân	203.892.067.045	202.940.715.385
<b>Cộng</b>	<u><u>203.892.067.045</u></u>	<u><u>202.940.715.385</u></u>

Đây là dự án được triển khai theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2015/HĐHTKD ngày 28/05/2015 giữa Công ty CP Sông Đà Việt Đức (SĐVĐ), Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng (CMC) và Công ty CP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (CIE) để đầu tư dự án nhà ở tại ngõ 164 Khuất Duy Tiên, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội với Tổng mức đầu tư dự kiến là 1.497.806.306 đồng. Tỷ lệ góp vốn của các bên là: SĐVĐ góp 51,4%, CMC góp 24,3% và CIE góp 24,3% trong tổng số vốn góp dự kiến là 299.561.333.061 đồng. Các bên sẽ cùng tham gia quá trình triển khai dự án với tư cách là đồng Chủ Đầu tư và ủy quyền cho SĐVĐ là đại diện Chủ đầu tư. Các bên thống nhất ủy quyền cho Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà CIE-CMC-SĐVĐ (CCV Housing) làm Ban điều phối Dự án.

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Đường Khuất Duy Tiên, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>38.657.341.500</b>	-	<b>41.703.772.588</b>	-
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>24.207.468.000</b>	-	<b>23.783.289.088</b>	-
+ Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE 1 (*)	16.200.000.000	-	16.200.000.000	-
+ Công ty CP Thương mại Kim Hoa	1.530.000.000	-	1.530.000.000	-
+ Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	2.700.000.000	-	2.700.000.000	-
+ Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5	2.777.468.000	-	2.777.468.000	-
+ Viện cơ điện MICIE	1.000.000.000	-	575.821.088	-
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>3.500.000.000</b>	-	<b>3.500.000.000</b>	-
+ Công ty CP 3B	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>10.949.873.500</b>	-	<b>14.420.483.500</b>	-
+ Công ty CP Công nghiệp Môi trường	375.000.000	-	375.000.000	-
+ Công ty CP Đầu tư - Tư vấn Xây dựng IMI	12.500.000	-	12.500.000	-
+ Công ty TNHH Tư vấn và Phát triển phần mềm	40.000.000	-	40.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ CN	5.652.373.500	-	5.652.373.500	-
+ Công ty Cổ phần Công nghệ cao (Hitechco)	-	-	3.470.610.000	-
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà CIE - CMC - SĐVĐ	4.870.000.000	-	4.870.000.000	-

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Đường Khuất Duy Tiến, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>24.215.617.941</b>	<b>24.215.617.941</b>	<b>30.207.847.046</b>	<b>30.207.847.046</b>
- Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	23.898.159.163	23.898.159.163	29.904.285.250	29.904.285.250
- Các đối tượng khác	317.458.778	317.458.778	303.561.796	303.561.796
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>23.898.159.163</b>	<b>23.898.159.163</b>	<b>29.904.285.250</b>	<b>29.904.285.250</b>
- Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	23.898.159.163	23.898.159.163	29.904.285.250	29.904.285.250

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Đường Khuất Duy Tiến, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>	<b>208.829.383</b>	<b>1.556.184.153</b>	<b>1.565.005.134</b>	<b>200.008.402</b>
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	102.073.536	102.073.536	-
- Thuế thu nhập cá nhân	202.021.395	223.007.419	231.828.400	193.200.414
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	6.807.988	1.054.562.620	1.054.562.620	6.807.988
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	173.540.578	173.540.578	-
<b>Phải thu</b>	<b>59.215.947</b>	-	-	<b>59.215.947</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	59.215.947	-	-	59.215.947

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.735.331.189</b>	<b>6.384.665.998</b>
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	3.040.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ cao	-	1.576.988.000
- Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	1.735.331.189	1.767.677.998
<b>Dài hạn</b>	<b>218.148.490.950</b>	<b>217.202.812.017</b>
Dự án Nhà ở tại ngõ 164 Khuất Duy Tiến	218.148.490.950	217.202.812.017
- Công ty CP Đầu tư và phát triển nhà CIE-CMC-SDVĐ	184.047.263.789	183.183.184.856
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư & Xây dựng	6.719.003.823	6.719.003.823
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Đà - Việt Đức	27.382.223.338	27.300.623.338

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**16.1 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	38.000.000.000	38.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	38.000.000.000	38.000.000.000

**16.2 CỔ PHIẾU**

	31/12/2017	01/01/2017
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	3.800.000	3.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**16.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2016</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>10.793.442.327</b>	<b>5.517.881.925</b>	<b>54.311.324.252</b>
- Lãi trong năm	-	-	3.915.068.743	3.915.068.743
- Tạm chia cổ tức	-	-	(3.040.000.000)	(3.040.000.000)
- Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	(690.800.000)	(690.800.000)
<b>31/12/2016</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>10.793.442.327</b>	<b>5.702.150.668</b>	<b>54.495.592.995</b>
<b>01/01/2017</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>10.793.442.327</b>	<b>5.702.150.668</b>	<b>54.495.592.995</b>
- Lỗ trong năm	-	-	(1.034.661.604)	(1.034.661.604)
<b>31/12/2017</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>10.793.442.327</b>	<b>4.667.489.064</b>	<b>53.460.931.391</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>624.389.090</b>	<b>31.565.574.659</b>
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	624.389.090	31.565.574.659
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>624.389.090</b>	<b>5.536.746.582</b>
- Viện cơ điện tử MICIE	185.760.000	3.208.087.000
- Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIEI	438.629.090	-

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	624.389.090	30.319.150.925
	<b>624.389.090</b>	<b>30.319.150.925</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.045.828	67.721.643
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.410.982.500	4.230.315.042
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	557.268	-
	<b>4.421.585.596</b>	<b>4.298.036.685</b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lỗ từ chuyển nhượng cổ phần	1.894.122.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	194.649	-
	<b>1.894.316.649</b>	-

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG/QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>3.477.298.586</b>	<b>1.234.853.023</b>
- Nhân viên quản lý	1.584.175.139	940.955.098
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.893.123.447	1.449.628.875
- Dự phòng công nợ phải thu khó đòi	-	(1.365.730.950)
- Chi phí quản lý khác	-	2.452.445.563
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>-</b>	<b>395.278.497</b>
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	395.278.497
	<b>3.477.298.586</b>	<b>1.630.131.520</b>
<b>Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>(1.365.730.950)</b>
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(1.365.730.950)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trong trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**23. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý vì hoạt động chính của Công ty là bán hàng hóa và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Các hoạt động của Công ty không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế.

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần (bao gồm khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Công ty gồm vốn góp các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.13.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ 31/12/2017 VND</b>	<b>Giá trị ghi sổ 01/01/2017 VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.776.726.874	4.317.596.710
Đầu tư ngắn hạn	2.267.334.516	2.567.334.516
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.401.049.160	33.379.113.492
Tài sản tài chính khác	-	117.832.500
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.445.110.550</b>	<b>40.381.877.218</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	25.950.949.130	36.592.513.044
<b>Tổng</b>	<b>25.950.949.130</b>	<b>36.592.513.044</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro Thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ là đồng Đô la Mỹ (USD) và đồng EUR do đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá. Tuy nhiên các giao dịch này phát sinh ít và Ban Giám đốc Công ty đánh giá mức độ chịu rủi ro tỷ giá của Công ty đối với USD và EUR là không đáng kể.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2017</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	25.950.949.130	-	25.950.949.130
	<b>25.950.949.130</b>	<b>-</b>	<b>25.950.949.130</b>
<b>01/01/2017</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	36.592.513.044	-	36.592.513.044
	<b>36.592.513.044</b>	<b>-</b>	<b>36.592.513.044</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Ban Giám đốc đánh mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.776.726.874	-	1.776.726.874
Đầu tư ngắn hạn	2.267.334.516	-	2.267.334.516
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.401.049.160	-	27.401.049.160
	<b>31.445.110.550</b>	<b>-</b>	<b>31.445.110.550</b>
<b>01/01/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.317.596.710	-	4.317.596.710
Đầu tư ngắn hạn	2.567.334.516	-	2.567.334.516
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.379.113.492	-	33.379.113.492
Tài sản tài chính khác	117.832.500	-	117.832.500
	<b>40.381.877.218</b>	<b>-</b>	<b>40.381.877.218</b>

**25. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm 2017, Công ty có mối quan hệ với các bên liên quan như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE 1	Công ty con
2	Công ty CP Thương mại Kim Hoa	Công ty con
3	Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	Công ty con
4	Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5	Công ty con
5	Viện cơ điện tử MICIE	Công ty con

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**25.1 GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Mua hàng</b>	<b>630.000.000</b>	<b>13.380.781.818</b>
- Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	-	12.790.781.818
- Viện cơ điện tử CIE	630.000.000	590.000.000
<b>Bán hàng</b>	<b>624.389.090</b>	<b>3.208.087.000</b>
- Viện cơ điện tử CIE	185.760.000	3.208.087.000
- Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	438.629.090	-
<b>Góp vốn đầu tư</b>	<b>424.178.912</b>	<b>1.785.721.088</b>
- Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	-	1.080.000.000
- Viện cơ điện tử CIE	424.178.912	575.821.088
- Công ty Cổ phần Công nghệ cao (Hitechco)	-	129.900.000
<b>Cổ tức nhận được</b>	<b>3.599.443.013</b>	<b>4.065.654.342</b>
- Công ty TNHH Chế tạo máy và TB Công nghiệp CIE2	140.015.342	269.615.342
- Công ty CP máy và Thiết bị CN 1-5	161.220.000	403.039.000
- Công ty Cổ phần thương mại Kim Hoa	58.207.671	153.000.000
- Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	3.240.000.000	3.240.000.000

**25.2 SỔ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải thu khác</b>	<b>3.240.000.000</b>	<b>3.833.015.342</b>
- Công ty CP Thương mại Kim Hoa		453.000.000
- Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	3.240.000.000	3.240.000.000
- Công ty CP máy và thiết bị CN 1-5	-	-
- Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2		140.015.342
<b>Phải trả khác</b>	<b>1.735.331.189</b>	<b>-</b>
- Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	1.735.331.189	-
<b>Phải trả người bán</b>	<b>23.898.159.163</b>	<b>29.904.285.250</b>
- Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	23.898.159.163	29.904.285.250
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>630.000.000</b>	<b>-</b>
- Viện Cơ điện tử CIE	630.000.000	-
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>3.204.529.478</b>	<b>3.000.193.478</b>
- Viện Cơ điện tử CIE	3.204.529.478	3.000.193.478

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**26. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng



Dương Thị Hà Bích

Tổng Giám đốc



Trương Hữu Chí